

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ giải bản tàu cá, chuyển đổi nghề, thay thế thiết bị giám sát hành trình tàu cá, cước phí thuê bao dịch vụ nhật ký điện tử cho chủ tàu cá trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 41/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 81/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; kiểm tra tàu cá và giám sát sản lượng thủy sản tại cảng cá; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác;

Xét Tờ trình số 7600/TTr-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ giải bản tàu cá, chuyển đổi nghề, thay thế thiết bị giám sát hành trình tàu cá, cước phí thuê bao dịch vụ nhật ký điện tử cho chủ tàu cá trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại

biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ giải bản tàu cá, chuyển đổi nghề, thay thế thiết bị giám sát hành trình tàu cá, cước phí thuê bao dịch vụ nhật ký điện tử cho chủ tàu cá trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ giải bản tàu cá, chuyển đổi nghề, thay thế thiết bị giám sát hành trình tàu cá, cước phí thuê bao dịch vụ nhật ký điện tử cho chủ tàu cá trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Chủ tàu cá có đăng ký thường trú tại tỉnh Lâm Đồng, được đăng ký trên cơ sở dữ liệu nghề cá Quốc gia (VNFishbase) có nhu cầu giải bản và đáp ứng đúng đối tượng hỗ trợ theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết này.

b) Thuyền viên trên tàu cá giải bản có tên trong sổ danh bạ thuyền viên do cơ quan có thẩm quyền cấp và có nhu cầu chuyển đổi việc làm, tìm kiếm sinh kế khác ngoài khai thác thủy sản.

c) Các cơ quan, đơn vị thực hiện quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng; mỗi đối tượng chỉ được hỗ trợ một lần và không trùng lặp đối tượng đã được nhận hỗ trợ theo các chính sách tương tự do Trung ương hoặc các tỉnh, thành phố đã ban hành.

2. Hỗ trợ giải bản tàu cá chỉ thực hiện sau khi tàu cá hoàn thành giải bản và có Biên bản nghiệm thu của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Biên bản bàn giao tàu cá cho các cơ quan chức năng. Chủ tàu có nhiều tàu cá mà chỉ có một tàu cá đủ điều kiện được hỗ trợ giải bản thì được hỗ trợ đối với tàu cá đó, trường hợp các tàu đều đủ điều kiện được hỗ trợ giải bản thì hỗ trợ đối với tất cả tàu cá thực hiện giải bản. Tàu cá do nhiều chủ thể cùng sở hữu thì mức hỗ trợ được tính bằng mức hỗ trợ cho một tàu đối với tàu cá đó. Không thực hiện hỗ trợ chi phí phá dỡ tàu cá đối với tàu cá giải bản được bàn giao cho các cơ quan chức năng.

3. Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề chỉ được thanh toán khi người học hoàn thành khóa đào tạo, có chứng chỉ hoặc chứng nhận đã hoàn thành khóa học do các cơ sở đào tạo nghề cấp. Trường hợp đối tượng được hỗ trợ đào tạo nghề để chuyển đổi sang nghề khác ngoài khai thác thủy sản nhưng không có nhu cầu đào tạo nghề thì

được hỗ trợ một lần sau khi có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đã chuyển đổi nghề nghiệp không thuộc danh mục ngành nghề pháp luật cấm hoạt động.

4. Việc hỗ trợ chi phí thay thế thiết bị giám sát hành trình và cước phí thuê bao dịch vụ nhật ký khai thác, thu mua, chuyển tải thủy sản điện tử (viết tắt là nhật ký điện tử) là hỗ trợ sau đầu tư và chỉ áp dụng trong thời hạn quy định tại Nghị quyết này. Mỗi tàu cá chỉ được hỗ trợ thay thế 01 (một) thiết bị giám sát hành trình và chỉ được hỗ trợ cước phí dịch vụ nhật ký điện tử đối với 01 (một) đơn vị cung cấp dịch vụ.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ giải bản tàu cá

1. Đối tượng hỗ trợ

Chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất ($L_{\max}$) từ 06 mét trở lên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng thực hiện giải bản tàu cá.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Chủ tàu cá có đăng ký thường trú tại tỉnh Lâm Đồng và tự nguyện giải bản tàu cá.

b) Tàu cá đã đăng ký trên cơ sở dữ liệu nghề cá Quốc gia (VNFishbase) và không bị tranh chấp, kê biên, tạm giữ, thế chấp hoặc bảo đảm nghĩa vụ tài chính với các tổ chức tín dụng.

c) Tàu cá đã thực hiện giải bản, có biên bản nghiệm thu của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc biên bản bàn giao cho các cơ quan chức năng và được cơ quan quản lý nhà nước thủy sản cấp tỉnh xóa đăng ký tàu cá.

d) Chủ tàu cá đã chấp hành xong các quyết định xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản (nếu có).

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ ổn định thu nhập cho chủ tàu có tàu cá giải bản:

Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 m đến dưới 12 m: 50.000.000 đồng/tàu.

Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 m đến dưới 15 m: 100.000.000 đồng/tàu.

Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 m trở lên: 250.000.000 đồng/tàu.

b) Hỗ trợ chi phí phá dỡ tàu cá: 10.000.000 đồng/tàu cá.

c) Hỗ trợ chi phí ổn định đời sống cho hộ gia đình chủ tàu trong thời gian chuyển đổi sinh kế mới: 3.000.000 đồng/hộ/tháng, thời gian hỗ trợ 03 (ba) tháng.

4. Hình thức hỗ trợ: Chi trả một lần, trực tiếp cho chủ tàu.

5. Thời gian thực hiện chính sách: Từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Chủ tàu có tàu cá giải bản.

b) Thuyền viên đang làm việc trên các tàu cá giải bản có tên trong sổ danh bạ thuyền viên do cơ quan có thẩm quyền cấp thuộc lao động trực tiếp, thường xuyên của tàu.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Có đăng ký thường trú tại tỉnh Lâm Đồng.

b) Có đăng ký tham gia chuyển đổi sang các ngành nghề không thuộc danh mục ngành nghề pháp luật cấm hoạt động.

c) Đã tham gia khóa đào tạo có chứng chỉ hoặc chứng nhận đã hoàn thành khóa học do các cơ sở đào tạo nghề cấp.

d) Các trường hợp không có nhu cầu đào tạo nghề được hỗ trợ chi phí chuyển đổi nghề một lần khi đáp ứng các điều kiện tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề: 4.000.000 đồng/người/khóa học.

b) Hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo nghề: 50.000 đồng/người/ngày. Thời gian hỗ trợ 03 tháng.

c) Hỗ trợ tiền đi lại cho người lao động từ nơi ở hiện tại đến địa điểm đào tạo là 200.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú cách địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên.

d) Hỗ trợ một lần đối với các trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này 6.000.000 đồng/người.

4. Hình thức hỗ trợ: Chi trả một lần, trực tiếp cho đối tượng chuyển đổi nghề.

5. Thời gian thực hiện chính sách: Từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ thay thế thiết bị giám sát hành trình tàu cá

1. Đối tượng hỗ trợ: Chủ tàu có tàu cá chiều dài từ 15 mét trở lên.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Chủ tàu cá đã thực hiện thay thế thiết bị giám sát hành trình tàu cá đáp ứng quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận (trước sắp xếp) về quy định chế độ hỗ trợ chi phí mua, lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh.

b) Tàu cá đáp ứng quy định về điều kiện, thủ tục hành nghề theo quy định của Luật Thủy sản và các quy định pháp luật có liên quan.

c) Có hợp đồng lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và các chứng từ hợp pháp.

d) Tàu cá có dữ liệu hành trình theo quy định trên hệ thống giám sát tàu cá do cơ quan có thẩm quyền quản lý.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí thay thế thiết bị giám sát hành trình tàu cá là 10.000.000 đồng/tàu.

4. Hình thức hỗ trợ: Chi trả một lần, trực tiếp cho chủ tàu.

5. Thời gian thực hiện chính sách: Từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ nhật ký điện tử

1. Đối tượng hỗ trợ: Chủ tàu có tàu cá chiều dài từ 12 mét trở lên.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Tàu cá đã cài đặt, sử dụng nhật ký điện tử kèm theo hóa đơn cung cấp dịch vụ; đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định (đăng ký, đăng kiểm, giấy phép khai thác thủy sản, đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá đối với tàu cá chiều dài từ 15 m trở lên).

b) Sử dụng thiết bị hoặc phần mềm nhật ký điện tử được cơ quan có thẩm quyền thông báo đủ điều kiện tích hợp với hệ thống nhật ký điện tử dùng chung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và trích xuất được dữ liệu.

c) Chủ tàu tuân thủ các quy định về việc ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác điện tử cho tổ chức quản lý cảng cá theo quy định tại Thông tư số 81/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

Mỗi tàu cá được hỗ trợ 01 thuê bao nhật ký điện tử trong một năm (12 tháng) là 2.400.000 đồng/năm (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Trường hợp mức thuê bao dịch vụ thực tế cao hơn mức hỗ trợ nêu trên, phần chênh lệch do chủ tàu tự chi trả.

4. Hình thức hỗ trợ: Chi trả một lần, trực tiếp cho chủ tàu.

5. Thời gian thực hiện chính sách: Từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

Ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 6 năm 2026.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng khóa XI, kỳ họp thứ 3 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026./. Nh

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức THPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị tỉnh;
- Trung tâm Đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh;
- Trung tâm LT và DVVL tỉnh;
- Trang TTĐT VP ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Lưu Văn Trung